Số: 11402/UBND-TTHC; 01/11/2026; 16:17:04; +07:00

Phụ lục IV

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ĐỊA PHƯƠNG 03 NĂM KHÔNG PHÁT SINH HỒ SƠ

(Kèm theo Công văn số1140 /UBND-TTHC ngày 01 tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực
I	**Lĩnh vực: Nông nghiệp và Môi trường**		
1	1.003727	Công nhận làng nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
2	1.003712	Công nhận nghề truyền thống	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
3	1.003695	Công nhận làng nghề	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
4	1.003397	Hỗ trợ dự án liên kết	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn
5	1.003984	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật	Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
6	1.013259	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ
7	1.013260	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Đường bộ
8	1.013261	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ
9	2.002615	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	hàng hải và đường thủy nội địa
10	2.002616	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	hàng hải và đường thủy nội địa
11	2.002617	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện đường thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	hàng hải và đường thủy nội địa
12	1.003486	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn

13	2.001838	Cấp đổi Phiếu kiểm soát thu hoạch sang Giấy chứng nhận xuất xứ cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản
14	2.001241	Cấp giấy chứng nhận xuất xứ (hoặc Phiếu kiểm soát thu hoạch) cho lô nguyên liệu nhuyễn thể hai mảnh vỏ	Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản
15	1.008672	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
16	1.014022	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
17	1.008675	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
18	1.012691	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm
19	1.012413	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	Kiểm lâm
20	3.000160	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	Kiểm lâm
21	3.000159	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	Kiểm lâm
22	1.000047	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	Kiểm lâm
23	1.012690	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	Kiểm lâm
24	1.012921	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp
25	1.012687	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	Lâm nghiệp
26	1.000084	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Lâm nghiệp
27	3.000179	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	Lâm nghiệp
28	1.004923	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ	Thuỷ sản

		hai xã trở lên).	
29	1.004921	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai xã trở lên)	Thuỷ sản
30	1.004915	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài).	Thuỷ sản
31	1.004913	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân.	Thuỷ sản
32	1.003586	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	Thuỷ sản
33	1.003851	Cấp văn bản chấp thuận khai tháccloài thuỷ sản nguy cấp, quý,hiếm (để mục đích bảo tồn,nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế)	Thuỷ sản
34	1.004692	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng kýnuôi trồng thuỷ sản lồng bè, đối tượng thuỷ sản nuôi chủ lực (hoạtđộng trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sởnuôi trồng thủy sản lồng bè thuộcthẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Thuỷ sản
35	1.014834	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 tỉnh, thành phố trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Thuỷ sản
36	1.004943	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	Thuỷ sản
37	1.004929	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	Thuỷ sản
38	1.004794	Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thuỷ sản
39	1.004683	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thuỷ sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thuỷ sản	Thuỷ sản

40	2.001694	Cấp, cấp lại giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thuỷ sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	Thuỷ sản
41	1.003741	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	Thuỷ sản
42	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và Hải đảo
43	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	Biển và Hải đảo
44	2.002625	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	Hàng hải
45	1.116572	Thẩm định, phê duyệt phương án sử dụng đất	Đất đai
46	1.116566	Giao đất, cho thuê đất, giao khu vực biển để thực hiện hoạt động lấn biển	Đất đai
47	1.000058	Miễn, giảm tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	Lâm nghiệp và Kiểm Lâm
48	1.000071	Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng	Lâm nghiệp và Kiểm Lâm
49	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước
50	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước
51	1.012501	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước
52	2.001738	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	Tài nguyên nước
53	1.012503	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước
54	1.012054	Lấy ý kiến về kết quả thí nghiệm, bổ sung nhân tạo nước dưới đất	Tài nguyên nước
55	1.000987	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thuỷ văn

56	1.000970	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thuỷ văn
57	1.000943	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	Khí tượng thuỷ văn
58	1.013861	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	Khí tượng thuỷ văn
59	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi
60	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi
61	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi
62	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi
63	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: Du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi
64	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp	Thủy lợi

		tỉnh	
65	1.003211	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Thủy lợi
66	1.012832	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi
67	1.012833	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	Chăn nuôi
68	1.012834	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi
69	2.002169	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Lĩnh vực bảo hiểm
70	1.005411	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Lĩnh vực bảo hiểm
71	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Lĩnh vực bảo hiểm
II	**Lĩnh vực: Văn hóa, Thể thao và Du lịch**		
1	1.001106	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
2	1.001123	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
3	1.003738	Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
4	1.003793	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hoá
5	1.013456	Thủ tục cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Di sản văn hoá
6	1.014217	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm trong khu vực bảo vệ di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	Di sản văn hoá
7	1.014218	Thủ tục lấy ý kiến đối với việc xây dựng nhà ở riêng lẻ nằm ngoài khu vực	Di sản văn hoá

		bảo vệ di tích, nằm ngoài vùng đệm của khu vực di sản thế giới có khả năng tác động tiêu cực đến yếu tố gốc cấu thành di tích, cảnh quan văn hóa của di tích, di sản thế giới (trường hợp không cấp giấy phép xây dựng)	
8	1.014608	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
9	1.014611	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
10	1.014609	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận chuyên gia giám định di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
11	1.014615	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
12	1.014614	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
13	1.014612	Thủ tục cấp giấy phép làm bản sao di sản tư liệu được ghi vào Danh mục quốc gia về di sản tư liệu (cấp tỉnh)	Di sản văn hoá
14	1.014613	Thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập	Di sản văn hoá
15	1.014610	Thủ tục bồi hoàn chi phí thực hiện việc đưa di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia có nguồn gốc Việt Nam từ nước ngoài về nước (cấp tỉnh)	Di sản văn hoá
16	1.014616	Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề kinh doanh di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
17	2.001591	Thủ tục cấp phép khai quật khảo cổ khẩn cấp	Di sản văn hoá
18	2.001631	Thủ tục đăng ký di vật, cổ vật	Di sản văn hoá
19	1.011452	Thủ tục cấp Giấy phép tổ chức liên hoan phim, liên hoan phim chuyên ngành, chuyên đề, giải thưởng phim, cuộc thi phim tại Việt Nam	Điện ảnh
20	1.011454	Thủ tục cấp Giấy phép phân loại phim (cấp tỉnh)	Điện ảnh
21	2.002897	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị không phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Điện ảnh
22	2.002898	Thủ tục phát hành, phổ biến phim phục vụ nhiệm vụ chính trị có phát sinh doanh thu (cấp tỉnh)	Điện ảnh
23	1.012081	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ	Gia đình

		trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	
24	1.012082	Thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký thành lập cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình
25	1.012080	Thủ tục cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình	Gia đình
26	1.001082	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
27	1.001091	Thủ tục gia hạn Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
28	1.006412	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận thành lập và hoạt động của chi nhánh cơ sở văn hóa nước ngoài tại Việt Nam	Hợp tác quốc tế
29	1.001229	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do các tổ chức, cá nhân tại địa phương đưa ra nước ngoài không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh-Triển lãm
30	1.001211	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức triển lãm do cá nhân nước ngoài tổ chức tại địa phương không vì mục đích thương mại	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh-Triển lãm
31	1.001738	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh-Triển lãm
32	1.001778	Thủ tục cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh-Triển lãm
33	1.001671	Thủ tục cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa và Thể thao)	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh-Triển lãm
34	1.001833	Thủ tục tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật (thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	Mỹ thuật, Nhiếp ảnh-Triển lãm
35	1.009403	Thủ tục ra nước ngoài dự thi người đẹp, người mẫu	Nghệ thuật biểu diễn
36	1.009398	Thủ tục tổ chức cuộc thi, liên hoan	Nghệ thuật biểu diễn
37	1.003784	Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế

		đích kinh doanh cấp tỉnh	chuyên ngành văn hóa
38	1.003743	Kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa
39	1.003560	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu cấp tỉnh	Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa
40	1.003888	Thủ tục trưng bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài (địa phương)	Thông tin đối ngoại
41	1.003676	Thủ tục đăng ký tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hoá cơ sở
42	1.003654	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội (thẩm quyền của UBND cấp tỉnh)	Văn hoá cơ sở
43	2.002839	Thủ tục lựa chọn đề cương để hỗ trợ viết, sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Văn hoá
44	2.002840	Thủ tục hỗ trợ sáng tác tác phẩm văn học (cấp tỉnh)	Văn hoá
45	1.001376	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua khen thưởng
46	1.001108	Thủ tục xét tặng danh hiệu “Nghệ sĩ ưu tú” (đối với Hội đồng cấp cơ sở tại địa phương)	Thi đua khen thưởng
47	1.000560	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh	Thể dục Thể thao
48	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam	Thể dục Thể thao
49	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thể dục Thể thao
50	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thể dục Thể thao
51	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thể dục Thể thao

52	1.000830	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Diều bay	Thể dục Thể thao
53	1.000983	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Thể dục Thể thao
54	1.001056	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm thể thao	Thể dục Thể thao
55	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thể dục Thể thao
56	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thể dục Thể thao
57	1.001801	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao	Thể dục Thể thao
58	1.001782	Thủ tục đăng cai tổ chức giải thi đấu vô địch từng môn thể thao của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Thể dục Thể thao
59	1.002013	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu thể thao thành tích cao khác do liên đoàn thể thao tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức	Thể dục Thể thao
60	1.002022	Thủ tục đăng cai giải thi đấu, trận thi đấu do liên đoàn thể thao quốc gia hoặc liên đoàn thể thao quốc tế tổ chức hoặc đăng cai tổ chức	Thể dục Thể thao
61	1.002396	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao	Thể dục Thể thao
62	1.002445	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	Thể dục Thể thao
63	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thể dục Thể thao
64	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thể dục Thể thao
65	2.002188	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng	Thể dục Thể thao

66	1.001837	Thủ tục chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
67	1.003002	Thủ tục gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
68	1.003240	Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	Du lịch
69	1.003275	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy	Du lịch
70	1.003717	Thủ tục cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
71	1.004605	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế	Du lịch
72	1.014144	Thủ tục điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài	Du lịch
73	3.000575	Thủ tục chấp thuận nội dung thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép sản xuất kênh chương trình trong nước bao gồm kênh chương trình chuyên quảng cáo (cho cơ quan Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh, thành phố)	Phát thanh truyền hình
74	2.001765	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh truyền hình
75	1.003384	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Phát thanh truyền hình
76	1.004104	Công bố chất lượng dịch vụ phát thanh, truyền hình	Phát thanh truyền hình
77	1.004321	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả tiền	Phát thanh truyền hình
78	1.004233	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ phát thanh, truyền hình trả	Phát thanh truyền hình

		tiền	
79	1.116208	Thủ tục chấp thuận thay đổi biểu tượng kênh ghi trong giấy phép hoạt động phát thanh, truyền hình (cho cơ quan báo chí hoạt động phát thanh, truyền hình cấp tỉnh)	Phát thanh truyền hình
80	1.005452	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Thông tin điện tử
81	2.001091	Gia hạn Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	Thông tin điện tử
82	1.002001	Cấp Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Thông tin điện tử
83	1.001976	Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Thông tin điện tử
84	2.002738	Gia hạn Giấy chứng nhận cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Thông tin điện tử
85	1.004508	Cấp Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Thông tin điện tử
86	2.002739	Sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận thông báo phát hành trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng	Thông tin điện tử
87	2.002772	Cấp giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Thông tin điện tử
88	2.002773	Sửa đổi, bổ sung giấy xác nhận thông báo cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Thông tin điện tử
89	2.001168	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Thông tin điện tử
90	2.001169	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ mạng xã hội	Thông tin điện tử
91	1.004250	Thủ tục gia hạn Giấy phép cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng	Thông tin điện tử
92	2.001564	Cấp Giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài	In
93	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in	In
94	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in	In
95	1.013698	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất	Xuất bản phẩm

		bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	
96	1.013699	Cấp lại giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài	Xuất bản phẩm
97	1.004260	Thủ tục cấp lại Giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm	Xuất bản phẩm
98	1.003114	Cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản phẩm
99	1.008201	Cấp lại giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm	Xuất bản phẩm
100	3.000574	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong Giấy phép mở chuyên trang của báo chí điện tử (đối với cơ quan báo chí của địa phương)	Báo chí
101	1.013781	Thủ tục chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép hoạt động báo chí in, giấy phép hoạt động báo chí điện tử đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
102	1.013784	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm báo chí đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
103	1.013785	Cấp giấy phép xuất bản phụ trương đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
104	1.013789	Chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản đặc san đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp của địa phương	Báo chí
105	1.013790	Tiếp nhận đăng ký danh mục báo chí nhập khẩu	Báo chí
106	1.013782	Cấp giấy phép xuất bản thêm ấn phẩm đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
107	1.116487	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động của cơ sở kinh doanh dịch vụ phát hành báo chí nhập khẩu đối với cơ quan báo chí của địa phương	Báo chí
III	**Lĩnh vực: Công thương**		
1	2.002604.H48	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
2	2.002605.H48	Sửa đổi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến	Xúc tiến thương mại

		thương mại nước ngoài tại Việt Nam	
3	2.002606.H48	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
4	2.002607.H48	Cấp gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
5	2.002608.H48	Chấm dứt hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Xúc tiến thương mại
6	1.010696.000.00.00.H48	Cấp Giấy tiếp nhận thông báo kinh doanh xăng dầu bằng thiết bị bán xăng dầu quy mô nhỏ	Lưu thông hàng hoá trong nước
7	2.000666.000.00.00.H48	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hoá trong nước
8	2.000664.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu thuộc thẩm quyền cấp của Sở Công Thương	Lưu thông hàng hoá trong nước
9	2.000210.000.00.00.H48	Cấp lại chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
10	2.000172.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ	Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ
11	1.001158.000.00.00.H48	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa	Công nghiệp hỗ trợ
12	2.000063.000.00.00.H48	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
13	2.000450.000.00.00.H48	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
14	2.000347.000.00.00.H48	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
15	2.000327.000.00.	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước	Thương mại quốc tế

	00.H48	ngoài tại Việt Nam	
16	2.000314.000.00.00.H48	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam	Thương mại quốc tế
17	2.000255	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa (không bao gồm các hàng hóa là gạo, đường, vật phẩm đã ghi hình, sách báo và tạp chí)	Thương mại quốc tế
18	2.000370	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu bôi trơn, mỡ bôi trơn có nguồn gốc từ dầu mỏ	Thương mại quốc tế
19	2.000362	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí	Thương mại quốc tế
20	2.000351	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định số 342/2026/NĐ-CP	Thương mại quốc tế
21	2.000340	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế
22	2.000330	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	Thương mại quốc tế
23	2.000272	Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
24	2.000361	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế
25	1.000774	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT)	Thương mại quốc tế
26	2.000334	Điều chỉnh tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng	Thương mại quốc tế

		tiện lợi, siêu thị, siêu thị mini, đến mức không quá 500m2	
27	2.000322	Điều chỉnh tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại	Thương mại quốc tế
28	2.002166	Điều chỉnh tăng diện tích bán hàng của cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, siêu thị	Thương mại quốc tế
29	2.000665	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
30	1.001441	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ	Thương mại quốc tế
31	2.000662	Cấp Giấy phép lập cơ sở bán lẻ cho phép cơ sở bán lẻ được tiếp tục hoạt động	Thương mại quốc tế
32	1.012427.H48	Thành lập, mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp
33	1.012471.H48	Xét tặng danh hiệu “Nghệ nhân nhân dân”, “Nghệ nhân ưu tú” trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ	Nghề thủ công mỹ nghệ
34	1.012567.H48	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp tỉnh quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ
35	1.013395.H48	Điều chỉnh danh mục đầu tư lưới điện trung áp, hạ áp	Điện lực
36	1.013412.H48	Cấp Giấy phép hoạt động bán buôn điện thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh	Điện
37	1.013418.H48	Cấp gia hạn giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
38	1.013420.H48	Cấp lại giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong trường hợp giấy phép bị mất, bị hỏng	Điện
39	1.013421.H48	Thu hồi giấy phép hoạt động điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Điện
40	1.013652.H48	Phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoáng sản

IV	**Lĩnh vực: Dân tộc và Tôn giáo**		
1	1.012672	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo
2	1.012664	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo
3	1.012658	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tôn giáo
4	1.012657	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	Tôn giáo
5	1.012656	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	Tôn giáo
6	1.012653	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	Tôn giáo
7	1.012641	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo
8	1.012639	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	Tôn giáo
9	1.012637	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	Tôn giáo
10	1.012632	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo
11	1.012628	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Tôn giáo
V	**Lĩnh vực: Y tế**		
1	1.01385	Đăng ký thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm

2	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh d□ỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm
3	1.013887	Đăng ký lưu hành bổ sung do thay đổi quyền sở hữu số đăng ký lưu hành chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế .	Phòng bệnh
4	1.012993	Đăng ký hành nghề công tác xã hội tại Việt Nam đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài	Bảo trợ xã hội
5	1.013854	Đăng ký gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm
6	1.009346	Xét tặng giải thưởng Đặng Văn Ngữ trong lĩnh vực Y tế dự phòng	Thi đua - Khen thưởng
7	1.009249	Xét tặng giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông về công tác y dược cổ truyền	Thi đua - Khen thưởng
8	1.002238	Xác nhận Đơn hàng nhập khẩu mỹ phẩm dùng cho nghiên cứu, kiểm nghiệm Tiếp tục cho lưu hành thiết bị y tế trong trường hợp chủ sở hữu thiết bị y tế không tiếp tục sản xuất hoặc phá sản, giải thể đối	Trang thiết bị và công trình y tế
9	1.014102	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động	Dược phẩm
10	1.013035	Thu hồi Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng đối với trường hợp nhân viên tiếp cận cộng đồng không tiếp tục tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV	Dược phẩm
11	1.013847	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm thực phẩm xuất khẩu thuộc quyền quản lý của Bộ Y tế (CFS).	Dược phẩm
12	1.013889	Sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế xuất khẩu	Phòng bệnh
13	1.001806	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Bảo trợ xã hội
14	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Bảo trợ xã hội

15	1.013841	Miễn kiểm tra giám sát đối với cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã đ□ợc tổ chức công nhận hợp pháp của Việt Nam hoặc tổ chức công nhận n□ớc ngoài là thành viên tham gia thỏa thuận lẫn nhau của Hiệp hội công nhận phòng thí nhiệm Quốc tế, Hiệp hội công nhận phòng thí nghiệm Châu Á-Thái Bình D□ơng đánh giá và cấp chứng chỉ công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025.	An toàn thực phẩm
16	1.002867	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra thông thường	An toàn thực phẩm
17	1.003094	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra giảm	An toàn thực phẩm
18	2.001191	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu theo phương thức kiểm tra chặt	An toàn thực phẩm
19	1.003068	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 04/2018/TT-BYT	Dược phẩm
20	2.000993	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải	Y tế dự phòng
21	2.000981	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa	Y tế dự phòng
22	1.013037	Hủy hồ sơ công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế	Phòng bệnh
23	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
24	1.013817	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Bảo trợ xã hội
25	1.013869	Cấp mới giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính.	Phòng bệnh
26	2.000027	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
27	1.014011	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
28	1.000793	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Mỹ phẩm

29	1.00099	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Mỹ phẩm
30	1.000662	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Mỹ phẩm
31	1.001178	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT	Phòng bệnh
32	1.001189	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Phòng bệnh
33	1.001114	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo	Phòng bệnh
34	1.012272	thuốc gia truyền hoặc có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh
35	1.002564	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .	Phòng bệnh
36	1.013875	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế để nghiên cứu .	Phòng bệnh
37	1.01388	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế phục vụ mục đích viện trợ .	Phòng bệnh
38	1.013881	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế là quà biếu, cho, tặng .	Phòng bệnh
39	1.013883	Cấp giấy phép nhập khẩu chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế do trên thị trường không có sản phẩm hoặc phương pháp sử dụng phù hợp với nhu cầu của tổ chức, cá nhân xin nhập khẩu .	Phòng bệnh

40	2.000997	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	Y tế dự phòng
41	1.012418	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	Khám bệnh, chữa bệnh
42	1.012416	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
43	1.012415	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Khám bệnh, chữa bệnh
44	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh
45	1.013864	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp	Phòng bệnh
46	2.000025	Cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội
47	2.000559	Cấp Giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh
48	1.001138	Cấp Giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cấp cứu chữ thập đỏ	Khám bệnh, chữa bệnh
49	1.013824	Cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh.	Khám bệnh, chữa bệnh
50	1.009566	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với mỹ phẩm sản xuất trong nước để xuất khẩu	Mỹ phẩm
51	1.013898	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc lá (bên thứ nhất) .	Phòng bệnh
52	1.013896	Cấp Giấy Tiếp nhận bản công bố hợp quy dựa trên kết quả chứng nhận hợp quy của tổ chức chứng nhận hợp quy được chỉ định (bên thứ ba) đối với thuốc lá.	Phòng bệnh
53	1.013845	Công nhận cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được phép thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	Khám bệnh, chữa bệnh

54	3.000449	Công bố đối với nguyên liệu sản xuất thiết bị y tế, chất ngoại kiểm chứa chất ma túy và tiền chất	Trang thiết bị và công trình y tế
55	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bào chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Dược phẩm
56	1.004062	Công bố cơ sở đủ điều kiện khảo nghiệm chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh
57	1.013857	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước.	An toàn thực phẩm
58	1.004944	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	Bảo trợ xã hội
59	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Bảo trợ xã hội
60	1.014078	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Dược phẩm
61	1.012258	Cho phép người nước ngoài vào Việt Nam chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh hoặc hợp tác đào tạo về y khoa có thực hành khám bệnh, chữa bệnh	Khám bệnh, chữa bệnh
VI	**Lĩnh vực: Khoa học và Công nghệ**		
1	1.003659.H48	Cấp Giấy phép bưu chính	Bưu chính
2	1.003687.H48	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính	Bưu chính
3	1.004379.H48	Cấp lại giấy phép bưu chính bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính
4	1.003633.H48	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn	Bưu chính
5	1.005442.H48	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được	Bưu chính
VII	**Lĩnh vực: Tư pháp**		
1	2.002192	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước

2	2.002191	Phục hồi danh dự (cấp tỉnh)	Bồi thường nhà nước
3	1.013853	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được bán	Công chứng
4	1.013849	Chuyển đổi Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân thành Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng
5	1.013843	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Công chứng
6	1.013848	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận chuyển nhượng vốn góp	Công chứng
7	1.013842	Sáp nhập Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng
8	1.013837	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng do bị mất, hỏng	Công chứng
9	1.013846	Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của toàn bộ thành viên hợp danh của Văn phòng công chứng	Công chứng
10	1.013839	Hợp nhất Văn phòng công chứng theo loại hình công ty hợp danh	Công chứng
11	1.013852	Bán Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân	Công chứng
12	1.013840	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất	Công chứng
13	1.013812	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Công chứng
14	1.013806	Công nhận tương đương đối với người được đào tạo nghề công chứng ở nước ngoài	Công chứng
15	1.013808	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
16	1.013816	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng	Công chứng
17	1.013805	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Công chứng

18	2.002139	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá tài sản	Đấu giá tài sản
19	2.001225	Phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến	Đấu giá tài sản
20	1.003915	Cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản
21	1.000802	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề đấu giá	Đấu giá tài sản
22	1.116555	Chấm dứt hoạt động văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
23	1.116554	Tạm ngừng hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
24	1.116553	Sáp nhập văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty hợp danh	Giám định tư pháp
25	1.116552	Hợp nhất văn phòng giám định tư pháp được tổ chức và hoạt động dưới hình thức công ty hợp danh	Giám định tư pháp
26	1.116551	Thành lập và đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
27	1.116550	Hủy bỏ công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Giám định tư pháp
28	1.116549	Công nhận tổ chức giám định tư pháp theo vụ việc	Giám định tư pháp
29	1.116546	Bổ nhiệm lại và cấp thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp
30	2.000555	Cấp Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
31	2.000568	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
32	1.009832	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	Giám định tư pháp
33	1.001216	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp	Giám định tư pháp
34	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Giám định tư pháp
35	1.001117	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất	Giám định tư pháp
36	1.005464	Đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa	Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và

			vừa
37	2.001716	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại
38	2.000515	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Hòa giải thương mại
39	1.009283	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài (cấp tỉnh)	Hòa giải thương mại
40	1.008910	Thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hòa giải thương mại sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác; đăng ký hoạt động Trung tâm hoà giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Hòa giải thương mại
41	1.008916	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh	Hòa giải thương mại
42	1.008.914	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại
43	1.008909	Bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài	Hòa giải thương mại
44	1.008915	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập	Hòa giải thương mại
45	1.008911	Cấp Giấy phép thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại
46	1.008913	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được cấp Giấy	Hòa giải thương mại

		phép thành lập	
47	1.008908	Cấp lại Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy phép thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Hòa giải thương mại
48	1.008907	Cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại	Hòa giải thương mại
49	1.008628	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý	Luật sư
50	1.008709	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Luật sư
51	1.002398	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	Luật sư
52	1.002368	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
53	1.002384	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Luật sư
54	1.002181	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
55	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Luật sư
56	1.002198	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Luật sư
57	1.002234	Sáp nhập công ty luật	Luật sư
58	1.002055	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Luật sư
59	1.002079	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Luật sư
60	1.001928	Công nhận đào tạo nghề luật sư ở nước ngoài	Luật sư
61	1.004878	Giải quyết việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài đối với trường hợp cha dượng, mẹ kế nhận con riêng của vợ hoặc chồng; cô, cậu, dì, chú, bác ruột	Nuôi con nuôi

		nhận cháu làm con nuôi	
62	1.003198	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam ở trong nước đủ điều kiện nhận trẻ em nước ngoài làm con nuôi	Nuôi con nuôi
63	1.003179	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài	Nuôi con nuôi
64	1.014966	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp bị thu hồi chứng chỉ hành nghề	Quản tài viên
65	1.014965	Thu hồi chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp thôi hành nghề Quản tài viên theo nguyện vọng cá nhân	Quản tài viên
66	2.001117	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Quản tài viên trong trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị hư hỏng không thể sử dụng được	Quản tài viên
67	1.002681	Cấp chứng chỉ hành nghề Quản tài viên đối với người đề nghị là luật sư nước ngoài, kiểm toán viên là người nước ngoài	Quản tài viên
68	1.001600	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên	Quản tài viên
69	2.002036	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
70	2.002038	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước	Quốc tịch
71	1.008926	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên
72	1.008923	Miễn nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên
73	1.008924	Bổ nhiệm lại Thừa hành viên	Thừa hành viên
74	1.008922	Bổ nhiệm Thừa hành viên	Thừa hành viên
75	1.008921	Công nhận tương đương đào tạo nghiệp vụ Thừa hành viên	Thừa hành viên
76	1.008925	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa hành viên	Thừa hành viên
77	1.116557	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	Tiếp cận thông tin
78	1.116556	Thủ tục cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	Tiếp cận thông tin
79	2.000970	Lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp	Trợ giúp pháp lý

		luật	
80	2.000954	Cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
81	2.000840	Chấm dứt tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
82	2.000596	Đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
83	2.000592	Giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
84	2.000518	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
85	2.000587	Cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Trợ giúp pháp lý
86	2.000819	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Trung tâm Trọng tài	Trọng tài thương mại
87	2.000822	Thành lập, đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại
88	1.008889	Đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
89	1.008905	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi Trưởng Chi nhánh, địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Trọng tài thương mại
90	1.008886	Cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
91	1.008906	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
92	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Trọng tài thương mại
93	1.008888	Cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
94	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay	Trọng tài thương mại

		đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	
95	1.008887	Chấm dứt hoạt động Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài bị chấm dứt hoạt động theo quyết định của Tổ chức trọng tài nước ngoài hoặc Tổ chức trọng tài nước ngoài thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện tại Việt Nam đã chấm dứt hoạt động ở nước ngoài	Trọng tài thương mại
96	1.008885	Chấm dứt hoạt động Trung tâm trọng tài theo Điều lệ của Trung tâm trọng tài	Trọng tài thương mại
97	1.001609	Thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
98	1.001248	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Trọng tài thương mại
99	1.000627	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật
100	1.000614	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Tư vấn pháp luật
101	1.000588	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Tư vấn pháp luật
102	1.000426	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật
103	1.000390	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật
104	1.000404	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật	Tư vấn pháp luật
105	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước
106	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Hòa giải ở cơ sở
107	2.000756	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch

108	1.004827	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch
109	1.000080	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch
110	1.000094	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	Hộ tịch
111	2.002349	Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	Nuôi con nuôi
112	1.003005	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	Nuôi con nuôi
113	1.116557	Cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho công dân thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp)	Tiếp cận thông tin
114	1.116556	Cung cấp thông tin theo yêu cầu (dành cho cá nhân)	Tiếp cận thông tin
VIII	**Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo**		
1	1.004.991	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác
2	1.004.999	Sáp nhập. chia. tách trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác
3	1.005.008	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục	Các cơ sở giáo dục khác
4	1.012.958	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên	Các cơ sở giáo dục khác
5	100.872	Chuyển đổi nhà trẻ. trường mẫu giáo. trường mầm non tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang nhà trẻ. trường mẫu giáo. trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục mầm non
6	1.008.721	Chuyển đổi cơ sở giáo dục phổ thông tư thục do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị sang cơ sở giáo dục phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục trung học
7	1.008.723	Chuyển đổi trường trung học phổ thông tư thục. trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông do nhà đầu tư trong nước đầu tư và bảo đảm điều kiện hoạt động; cơ sở giáo dục phổ	Giáo dục trung học

		thông tư thục do nhà đầu tư nước ngoài đầu tư sang trường trung học phổ thông tư thục. trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động không vì lợi nhuận	
8	1.012.955	Sáp nhập. chia. tách trường trung học phổ thông. trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông	Giáo dục trung học
9	1.012.956	Giải thể trường trung học phổ thông. trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân. tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học
10	1.000.716	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non. cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục. đào tạo với nước ngoài
11	1.000.718	Bổ sung. điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo. bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục. đào tạo với nước ngoài
12	1.000.939	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non. cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục. đào tạo với nước ngoài
13	2.000.451	Thành lập văn phòng đại diện của cơ sở giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục. đào tạo với nước ngoài
14	2.000.545	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non. cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục. đào tạo với nước ngoài
15	1.006.446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với cơ sở đào tạo. bồi dưỡng ngắn hạn; cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam	Giáo dục. đào tạo với nước ngoài
16	1.013.767	Giải thể. chấm dứt hoạt động cơ sở giáo dục mầm non. cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ thành lập	Giáo dục. đào tạo với nước ngoài
17	1.116.810	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập	Giáo dục mầm non
18	1.116.811	Sáp nhập. chia. tách trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước	Giáo dục mầm non

		ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	
19	1.116.812	Cấp phép hoạt động giáo dục đối với trường tiểu học. trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông
20	1.116.813	Sáp nhập. chia. tách trường tiểu học. trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông
21	1.116.814	Đổi tên trường trung học phổ thông. trường phổ thông có nhiều cấp học trong đó có cấp học cao nhất là trung học phổ thông; trường trung học phổ thông chuyên; trường năng khiếu nghệ thuật. thể dục. thể thao và trường năng khiếu khác; trường dành cho người khuyết tật; trường mầm non. trường tiểu học. trường trung học cơ sở. trường trung học phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
22	1.116.827	Cho phép thành lập trường mầm non do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục mầm non
23	1.116.828	Cho phép thành lập trường tiểu học. trường trung học cơ sở do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị	Giáo dục phổ thông
24	1.116.831	Giải thể trường mầm non theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục mầm non
25	1.116.829	Giải thể trường tiểu học. trường trung học cơ sở theo đề nghị của cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài. tổ chức quốc tế liên chính phủ	Giáo dục phổ thông
26	1.002982.000.00.00.H48	Thủ tục Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông các dân tộc thiểu số rất ít người	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
27	1.014.333	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở giáo dục đại học công lập	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
28	1.014.336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

29	1.014.337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học, trường trung học cơ sở, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục; cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân
30	1.013757.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục	Giáo dục thường xuyên
31	1.013756.H48	Cho phép trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên
32	1.013751.H48	Cho phép thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	Giáo dục thường xuyên
33	1.013753.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	Giáo dục thường xuyên
34	1.013752.H48	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên
35	1.013754.H48	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên tư thục	Giáo dục thường xuyên
36	1.013758.H48	Giải thể trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tư thục (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập)	Giáo dục thường xuyên
37	3.000317.H48	Sáp nhập, chia, tách trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên
38	3.000316.H48	Cho phép trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên
39	2.000729.H48	Phê duyệt liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài *(bãi bỏ theo QĐ 1561 ngày 08/6/20226)*	Giáo dục, đào tạo với nước ngoài
40	1.000729.H48	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên	Giáo dục và đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân
IX	**Lĩnh vực: Nội vụ**		
1	1014944.H48	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quản lý nhà nước về hội quỹ

2	1014945.H48	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	Quản lý nhà nước về hội quỹ
3	1014947.H48	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quản lý nhà nước về hội quỹ
4	1014149.H48	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước "Bà mẹ Việt Nam anh hùng"	Thi đua - khen thưởng
5	1.013937.H48	Công nhận tài liệu lưu trữ có giá trị đặc biệt	Lưu trữ
6	1014113.H48	Thủ tục xét tuyển công chức	Công chức - Viên chức
7	1014111.H48	Thủ tục thi tuyển công chức	Công chức - Viên chức
8	1014318.H48	Thủ tục tuyển chọn Tổng công trình sư Dự án	Công chức - Viên chức
9	1014319.H48	Thủ tục tuyển chọn Kiến trúc sư trưởng cấp bộ, cấp tỉnh, Dự án	Công chức - Viên chức
10	1014352.H48	Thủ tục tuyển chọn chuyên gia	Công chức - Viên chức
11	2001683.H48	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên xung phong ở cấp tỉnh	Công tác thanh niên
12	1010805.H48	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công
13	2001396.H48	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	Người có công
14	1013749.H48	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đảng cử ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng	Người có công
15	2.000.111.H48	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sịnh lao động	An toàn lao động
16	1.115.115.H48	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập	Lao động, việc làm
17	2.002.343.H48	Hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh nghề nghiệp cho người lao động phát hiện bệnh nghề nghiệp khi đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp	Lao động, việc làm

18	1.000.502.H48	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề ở nước ngoài	Lao động, việc làm
19	1.000.414.H48	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động, việc làm
20	2.002.340.H48	Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm Chi phí giám định thương tật, bệnh tật, trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ, hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt , dụng cụ chỉnh hình, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp khi người lao động cheetsdo tai nạ lao động, đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng	Lao động, việc làm
21	2.002.342.H48	Giải quyết chế độ cho người lao động phát hiện bị bệnh nghề nghiệp đã nghỉ hưu hoặc không còn làm việc trong các nghề, công việc có nguy cơ bị bệnh nghề nghiệp, gồm Chi phí giám định thương tật, bệnh tật, trợ cấp hằng tháng hoặc một lần; trợ cấp phục vụ, hỗ trợ phương tiện trợ giúp sinh hoạt , dụng cụ chỉnh hình, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe, trợ cấp khi người lao động chết do bệnh nghề nghiệp, đóng bảo hiểm y tế cho người nghỉ việc hưởng trợ cấp bảo hiểm bệnh nghề nghiệp hàng tháng	Lao động, việc làm
X	**Lĩnh vực của Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi**		
1	1.009645	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
2	1.009646	Thủ tục chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
3	1.009642	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
4	1.009644	Thủ tục điều chỉnh Quyết định chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam
5	1.009659	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh	Đầu tư tại Việt Nam

6	1.009755	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của Ban quản lý khu kinh tế	Đầu tư tại Việt Nam
7	2.002725	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam
8	2.002727	Thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo thủ tục đầu tư đặc biệt	Đầu tư tại Việt Nam
9	1.009665	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam
10	1.009671	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam
11	1.009731	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam
12	1.009736	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	Đầu tư tại Việt Nam
13	1.009661	Thủ tục thông báo về việc tự quyết định ngừng hoạt động dự án của nhà đầu tư	Đầu tư tại Việt Nam
14	1.013234	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở / thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng
15	1.009491.H48	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất	Đối tác công tư
16	1.009492.H48	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án, điều chỉnh dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán	Đối tác công tư
XI	**Lĩnh vực: Tài chính**		
1	1.010.370	Chi trả phí bảo hiểm khai thác hải sản được ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các doanh nghiệp bảo hiểm	Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm
2	1.005.411	Chấm dứt việc hưởng hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp và hoàn phí bảo hiểm nông nghiệp	Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm
3	2.002.169	Chi trả phí bảo hiểm nông nghiệp được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm
4	1.005.412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Lĩnh vực Kinh doanh bảo hiểm

5	1.012.735	Hiệp thương giá	Lĩnh vực quản lý giá
6	1.012.744	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	Lĩnh vực quản lý giá
7	3.000.161	Hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 15/2015/QĐ-TTg ngày 05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt	Lĩnh vực dịch vụ tài chính
8	1.011.769	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	Lĩnh vực quản lý công sản
XII	**Lĩnh vực: Xây dựng**		
1	1.005126.H48	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt
2	1.000294.H48	Bãi bỏ đường ngang	Đường sắt
3	1.005058.H48	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	Đường sắt
4	1.004685.H48	Cấp Giấy phép kết nối ray các tuyến đường sắt	Đường sắt
5	1.004681.H48	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối ray các tuyến đường sắt	Đường sắt
6	1.010000.H48	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt
7	1.004844.H48	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	Đường sắt
8	1.009791.000.00.00.H48	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	Quản lý chất lượng công trình xây dựng
9	1.001577.000.00.00.H48	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Đường bộ
10	1.002063.000.00.00.H48	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Đường bộ
11	1.002286.000.00.	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào,	Đường bộ

	00.H48	Campuchia	
12	1.001737.000.00.00.H48	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Đường bộ
13	1.002046.000.00.00.H48	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	Đường bộ
14	1.010707.000.00.00.H48	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ
15	1.002268.000.00.00.H48	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đường bộ
16	1.009451.000.00.00.H48	Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa
17	1.009463.000.00.00.H48	Lấy ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa
18	1.009442.000.00.00.H48	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa
19	1.005040.000.00.00.H48	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và Đường thủy nội địa
20	1.009464.000.00.00.H48	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa
21	1.009465.000.00.00.H48	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa
22	1.009449.000.00.00.H48	Công bố mở khu neo đậu	Hàng hải và Đường thủy nội địa
23	1.009452.000.00.00.H48	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và Đường thủy nội địa
24	1.009453.H48	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy	Hàng hải và Đường thủy nội địa

		nội địa phục vụ thi công công trình chính	
25	2.001217.H48	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và Đường thủy nội địa
26	2.001218.H48	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và Đường thủy nội địa
27	1.009460.000.00.00.H48	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	Hàng hải và Đường thủy nội địa
28	1.009459.000.00.00.H48	Công bố mở luồng đường thuỷ nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Hàng hải và Đường thủy nội địa
29	1.012890.H48	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Nhà ở
30	1.012894.H48	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	Nhà ở
XIII	**Lĩnh vực: Ngoại vụ**		
1	2.002313	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế
2	2.002314	Cho chủ trương đăng cai tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế không thuộc thẩm quyền cho phép của Thủ tướng Chính phủ	Lĩnh vực hội nghị, hội thảo quốc tế
XIV	**Lĩnh vực: Thanh tra (không có TTHC 3 năm không phát sinh hồ sơ)**		